

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2026

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng, ông Chu Quang Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh ngày 27/8/1997; Căn cước công dân số 030197015098 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2023.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 6, thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng.
Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chỉ Hoa ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 13/6/1980; Căn cước công dân số 030180017853 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021, địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Công D**, sinh ngày 23/10/1994; Căn cước công dân số 030094014790 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/01/2024.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 6, thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng.
Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 27/11/1974; Căn cước công dân số 030174005388 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/9/2022. Địa chỉ: Đội 6, thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự và đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Nguyễn Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 20/11/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì cùng đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do không hợp nhau, luôn cãi vã bất đồng quan điểm, anh chị không thống nhất được kinh tế trong gia đình, vợ chồng mâu thuẫn về mọi vấn đề trong cuộc sống và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đời sống hôn nhân rơi vào trạng thái bế tắc, không có lối thoát. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Công D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 26/3/2015 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/10/2017, hiện hai con đang ở với mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị K. Khi ly hôn, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Tường V và đề nghị giao con Nguyễn Thị Ngọc H1 cho anh Nguyễn Công D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bà K chăm sóc con Nguyễn Ngọc Tường V cho đến khi chị về nước, chị có trách nhiệm gửi tiền về cho bà K nuôi con Nguyễn Ngọc Tường V. Trong thời gian anh Dũng không có mặt ở Việt Nam, chị nhất trí để bà Kiên chăm sóc con chung Nguyễn Thị Ngọc H1 cho đến khi anh D về nước, anh D có trách nhiệm gửi tiền về cho bà nuôi con Nguyễn Thị Ngọc H1.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên ủy quyền cho mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị M thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh D. Bà Nguyễn Thị K (là mẹ đẻ anh D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Dũng ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Dũng vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Dũng biết. Thông qua gia đình anh Dũng trình bày: vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ năm

2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị H xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị Hoa trình bày là đúng, anh nhất trí mỗi người nuôi một con, anh chăm sóc nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Ngọc H1, nhất trí để chị Hoa chăm sóc nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Tường V cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh và chị H không có mặt ở Việt Nam, anh nhất trí ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị K chăm sóc, nuôi dưỡng hai con cho đến khi anh, chị về nước. Anh và chị H cùng có trách nhiệm gửi tiền về cho bà Kiên nuôi dưỡng các con. Tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Nguyễn Công D. Sau khi kết hôn anh D, chị H chung sống với nhau đến năm 2018 thì cùng đi lao động tại Đài Loan, cuộc sống gặp nhiều khó khăn anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn, bà không muốn các con mỗi người một nơi, nhưng việc ly hôn là do anh chị tự quyết định. Về con chung: chị H, anh D có 2 con chung như anh chị trình bày là đúng, các cháu hiện đang ở với bà. Chị H, anh D có quan điểm mỗi người nuôi một con, anh D nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Ngọc H1, chị H nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Tường V cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị H, anh D ủy quyền cho bà chăm sóc các cháu cho đến khi anh, chị về nước và có trách nhiệm gửi tiền về cho bà nuôi dưỡng các cháu, bà hoàn toàn nhất trí.

Người được chị Hoa ủy quyền giao, nhận văn bản bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị H biết. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị H, anh D là cháu Nguyễn Ngọc Tường V có nguyện vọng được ở với chị H và bà K; cháu Nguyễn Thị Ngọc H1 có nguyện vọng được ở với anh D và bà K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H, cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Công D.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 26/3/2015 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/10/2017 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao các cháu cho bà K chăm sóc cho đến khi chị H, anh D về nước.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Công D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại Đội 6, thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Tại phiên tòa các đương sự đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Công D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, thành phố Hải Phòng) ngày 20/11/2014 là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì cùng đi lao động tại Đài Loan và tiếp tục chung sống cùng nhau đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh chị không thống nhất trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng mâu thuẫn về mọi vấn đề trong

cuộc sống và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đời sống chung rơi vào tình trạng bế tắc không thể hàn gắn được. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Công D. Anh D cũng xác định tình vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, chị Hoa xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoa và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoa, xử cho chị H được ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H, anh D có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 26/3/2015 và Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/10/2017, hiện các con đang ở với bà K. Chị H và anh D cùng có quan điểm thống nhất chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Tường V, anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc H1 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, anh chị cùng nhất trí ủy quyền cho bà K chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi anh chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của chị H, anh D là tự nguyện, phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với nguyện vọng của các con, không trái đạo đức xã hội, đúng với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao con chung Nguyễn Ngọc Tường V cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Ngọc H cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao các cháu cho bà Nguyễn Thị K chăm sóc cho đến khi chị H, anh D về nước

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H, xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn anh Nguyễn Công D.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 26/3/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 24/10/2017 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V và cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho bà Nguyễn Thị K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H, anh D về nước.

Chị H, anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0002087 ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Cục thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Công D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- UBND xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện